

# Antigravity-Manager

## Tài liệu đính kèm:

- [\[Github.com\] - Antigravity-Manager](#)
- [Hướng dẫn Docker \(persist `/root/.antigravity\\_tools`, cách chạy\).](#)
- [S3 Authentication \(Access Key/Secret, \\*\\*cảnh báo: S3 keys bypass RLS\\*\\*\)](#)
- [S3 Compatibility \(S3-compatible endpoint\):](#)
- [rclone S3 backend docs \(tùy chọn, tối ưu sync\)](#)
- [rclone docs tổng \(cấu hình + usage\)](#)
- [Compose: Control startup order \(đợi service phụ thuộc “healthy” trước khi start service chính\)](#)
- [Compose file reference \(schema cấu hình\)](#)
- [SQLite official: “Use SQLite over a network” \(cảnh báo network FS/lock → dễ lỗi/corruption\)](#)
- [Tham khảo rủi ro mount S3 kiểu filesystem \(s3fs stability discussion\)](#)

Diễn giải: Tạo bộ triển khai **Docker Compose (2 containers)** cho `1bjlaq/Antigravity-Manager` theo mô hình **rclone sync + antigravity**.

## Mục tiêu & nguyên tắc

- **Tách 2 container:**
  1. `rclone-sync`:
    - **sync down 1 lần khi start** từ Supabase S3 về volume dữ liệu
    - sau đó chạy vòng lặp **sync up định kỳ** (30s/60s/5m tùy ENV)
  2. `antigravity`:
    - **chỉ start sau khi sync down xong**
    - mount dữ liệu từ volume vào đúng path `/root/.antigravity_tools`
- **Không dùng `rclone mount` (FUSE)** vì dữ liệu có SQLite → rủi ro lock/corrupt; chỉ dùng `rclone sync`.
- Dùng **named volume** `antigravity_data` để cả 2 container dùng chung.
- **Tất cả cấu hình phải đọc từ `.env`** (không hardcode).
- Supabase S3: luôn thêm flag `--s3-list-version 2` để tránh lỗi listing theo hướng dẫn Supabase.
- Secrets (S3 key/secret, password) **chỉ lấy từ `.env`**.

## Files cần xuất ra

1. `docker-compose.yml`
2. `rclone/rclone.conf` (template dùng biến môi trường nếu có thể, hoặc generate lúc runtime)

3. `scripts/sync-entrypoint.sh` (shell script cho container rclone)

4. `.env.example` (tất cả biến cần thiết + mô tả ngắn)

## Hành vi chi tiết cần có

- `rclone-sync` khi chạy:

1. tạo thư mục `/data/.antigravity_tools`

2. chạy `rclone sync ${REMOTE}:${REMOTE_PATH} /data/.antigravity_tools ...`

3. tạo file cờ `/shared/READY`

4. loop mỗi `/${SYNC_INTERVAL_SECONDS}`:

- `rclone sync /data/.antigravity_tools ${REMOTE}:${REMOTE_PATH} ...`

- `antigravity`:

- entrypoint chờ `/shared/READY` tồn tại rồi mới start antigravity

- expose port theo ENV (ví dụ `HOST_PORT:8045`)

- set mật khẩu web quản trị từ ENV (ví dụ `WEB_PASSWORD` hoặc `ABV_WEB_PASSWORD`)

## Biến môi trường bắt buộc (đưa trong `.env.example`)

- `ANTIGRAVITY_MANAGER_HOST_PORT=8045`
- ``ANTIGRAVITY_MANAGER_`SYNC_INTERVAL_SECONDS=60`
- ``ANTIGRAVITY_MANAGER_REMOTE` supabase` (tên remote rclone)
- ``ANTIGRAVITY_MANAGER_`REMOTE_PATH=bucket/antigravity/state/prod` (đường dẫn trên S3)
- `ANTIGRAVITY_MANAGER_S3_ENDPOINT=...`
- `ANTIGRAVITY_MANAGER_S3_REGION=...`
- `ANTIGRAVITY_MANAGER_S3_ACCESS_KEY_ID=...`
- `ANTIGRAVITY_MANAGER_S3_SECRET_ACCESS_KEY=...`
- `ANTIGRAVITY_MANAGER_WEB_PASSWORD=...` (password quản trị web antigravity)
- (tuỳ chọn) `ANTIGRAVITY_MANAGER_RCLONE_LOG_LEVEL=INFO`
- (tuỳ chọn) `ANTIGRAVITY_MANAGER_RCLONE_EXTRA_FLAGS=` (để mở rộng tương lai)

## Yêu cầu output

- Trả về đầy đủ nội dung 4 files ở trên.
- Script bash phải có `set -euo pipefail`, log rõ ràng, retry hợp lý (ví dụ 5 lần) khi sync fail.
- Compose phải mount:
  - `antigravity_data:/data/.antigravity_tools` cho rclone
  - `antigravity_data:/root/.antigravity_tools` cho antigravity
  - thêm volume `shared_ready:/shared` hoặc bind để share file READY

- Không dùng mount FUSE, không dùng rsync.
- Gợi ý lệnh chạy: `cp .env.example .env && docker compose up -d`.